

**KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẬC 3/6**  
**KỲ THI NGÀY 13/6/2021**

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Ghi chú
					Nghe	Đọc	Viết	Nói	
1	B001	Lê Hoài Ân	22/10/1971	Quảng Ngãi	7,0	7,5	5,0	4,0	
2	B002	Phạm Văn Chín	13/02/1997	Quảng Ngãi	7,0	9,0	4,0	8,0	
3	B003	Nguyễn Thành Đạt	14/02/1999	Quảng Ngãi	6,0	9,0	2,5	5,0	
4	B004	Bạch Thị Âu Điệp	10/01/1980	Quảng Ngãi	7,0	8,0	3,0	6,0	
5	B005	Nguyễn Đoàn	18/08/1972	Quảng Ngãi	6,5	5,0	2,5	5,0	
6	B006	Dương Thị Duyên	25/07/1988	Thái Nguyên	6,5	6,5	3,0	6,0	
7	B007	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10/10/1986	Quảng Ngãi	6,5	7,5	3,0	6,0	
8	B008	Hồ Thị Hà	23/05/1997	Quảng Ngãi	6,5	7,0	2,0	5,0	
9	B009	Lê Thị Hiền	03/12/1978	Quảng Ngãi	5,0	6,0	5,0	6,5	
10	B010	Nguyễn Thị Hiếu	02/12/1991	Quảng Ngãi	7,0	9,0	5,0	7,5	
11	B011	Phạm Thị Ngọc Hoa	06/05/1979	Quảng Ngãi	6,0	9,0	7,0	5,0	
12	B012	Quảng Văn Hòa	23/06/1999	Quảng Ngãi	6,0	9,0	6,0	5,0	
13	B013	Đặng Thị Kim Hoàng	10/08/1995	Quảng Ngãi	6,0	9,0	6,0	6,0	
14	B014	Phạm Công Hoàng	08/08/2001	Quảng Nam	6,0	9,0	5,5	5,0	
15	B015	Trần Thị Huệ	02/02/1993	Quảng Ngãi	6,0	8,0	5,0	6,0	
16	B016	Trần Thị Hương	02/12/1977	Nghệ An	6,5	7,5	4,0	4,0	
17	B017	Võ Thị Xuân Hương	14/04/1978	Quảng Ngãi	6,5	9,0	4,0	6,0	
18	B018	Dương Thành Huy	28/08/1984	Quảng Ngãi	6,0	8,5	5,0	5,0	
19	B019	Lê Thị Minh Khâm	15/08/1980	Quảng Ngãi	6,5	8,5	4,0	5,0	
20	B020	Võ Văn Khánh	20/09/1986	Quảng Ngãi	6,5	9,0	5,0	4,0	
21	B021	Trần Lê Diễm Kiều	20/10/1995	Quảng Ngãi	6,5	9,0	6,0	6,0	
22	B022	Bùi Thị Lệ	25/09/1996	Quảng Ngãi	7,0	9,0	6,0	5,0	
23	B023	Võ Thị Bích Liên	19/04/1984	Quảng Ngãi	6,5	9,0	3,0	5,0	
24	B024	Phạm Thị Liễu	07/07/1992	Quảng Ngãi	6,0	9,0	4,0	5,0	
25	B025	Đinh Thị Y May	06/08/1998	Quảng Ngãi	6,5	9,0	3,0	5,0	
26	B026	Phạm Thị Nhân	09/10/1971	Quảng Ngãi	6,5	9,0	4,0	4,0	
27	B027	Thới Thị Tuyết Nhung	03/03/1984	Hải Phòng	6,5	9,0	4,0	4,0	
28	B028	Nguyễn Thị Hiền Ny	01/12/1989	Quảng Ngãi	7,0	9,5	4,0	4,0	
29	B029	Nguyễn Thanh Phú	07/01/1988	Quảng Ngãi	7,5	7,0	1,0	7,0	
30	B030	Vũ Thị Thiên Phúc	02/09/1999	Quảng Ngãi	7,0	6,0	1,0	5,0	
31	B031	Đinh Hoài Phương	30/08/1978	Quảng Ngãi	8,0	7,0	2,5	7,0	

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Ghi chú	
					Nghe	Đọc	Viết	Nói		
32	B032	Nguyễn Thị Kim	Phương	10/10/1995	Quảng Ngãi	8,0	7,0	3,0	6,0	
33	B033	Võ Thị Bích	Phương	22/02/1988	Quảng Ngãi	8,0	7,0	3,0	5,0	
34	B034	Nguyễn Ngọc	Sơn	20/12/1970	Quảng Ngãi	8,0	7,0	2,0	5,0	
35	B035	Đinh Thị Hồng	Thanh	20/05/1998	Quảng Ngãi	8,0	7,0	1,0	5,0	
36	B036	Võ Thị Trang	Thanh	02/09/1981	Quảng Ngãi	8,0	6,0	1,0	7,0	
37	B037	Phạm Văn	Thời	02/03/1980	Quảng Ngãi	6,5	7,5	1,0	5,0	
38	B038	Nguyễn Thị Thu	Thúy	25/08/1978	Quảng Ngãi	7,0	9,0	3,0	6,0	
39	B039	Phạm Thị	Thuy	22/12/1984	Quảng Ngãi	8,0	7,5	1,0	5,0	
40	B040	Nguyễn Thị Phương	Trà	03/05/1977	Quảng Nam	8,0	7,5	5,0	7,0	
41	B041	Thới Trần Quỳnh	Trâm	10/01/1998	Quảng Ngãi	8,0	9,5	4,0	7,0	
42	B042	Phạm Văn	Trích	25/05/1980	Quảng Ngãi	6,5	8,0	4,0	4,0	
43	B043	Nguyễn Anh	Tuấn	25/04/1974	Quảng Ngãi	7,0	8,5	5,5	5,0	
44	B044	Lê Thị	Tuyết	09/02/1980	Quảng Ngãi	7,5	9,0	6,0	6,0	
45	B045	Phan Thị	Tuyết	25/03/1998	Quảng Ngãi	8,0	8,5	6,0	6,0	
46	B046	Bùi Thị Bích	Vân	10/06/1982	Quảng Ngãi	8,0	8,0	6,0	6,0	
47	B047	Lê Tuấn	Vĩ	05/04/1998	Quảng Ngãi	7,5	8,5	3,0	6,0	
48	B048	Lâm Văn	Viên	17/10/1994	Quảng Ngãi	8,0	8,0	3,0	6,0	
49	B049	Nguyễn Thiên	Vũ	15/04/1987	Quảng Ngãi	7,5	8,5	3,0	7,0	
50	B050	Võ Minh	Vương	09/07/1985	DakLak	8,0	8,5	6,0	7,0	
51	B051	Bùi Thị Tường	Vy	25/08/1997	Quảng Ngãi	8,0	7,5	5,0	7,0	
52	B052	Phạm Thị Tú	Vy	04/09/1980	Bình Định	7,5	8,5	5,0	7,0	

Danh sách này có: 52 thí sinh, trong đó số dự thi: 52 thí sinh, số vắng thi: 0 thí sinh.